

Các động từ khuyết thiếu thường gặp

Động từ khuyết thiếu (Modal Verbs)	Chức năng của động từ khuyết thiếu	Ví dụ	Chú ý(Note)
Can	Dùng để diễn tả khả năng tại hiện tại hoặc tương lai là một người có thể làm được những gì hoặc một sự việc có thể sắp xảy ra.	▪ You can speak English. ▪ It can run.	– Can và Could còn được dùng trong các câu hỏi đề nghị, xin phép và yêu cầu. Ví dụ:
Could (thể quá khứ của động từ “Can”)	Diễn tả một khả năng xảy ra trong thì quá khứ	▪ My sister could speak Japanese when he was four.	Could you please repeat the question?
Must	– Diễn đạt sự một sự cần thiết, bắt buộc ở thì hiện tại hoặc trong tương lai – Đưa ra lời khuyên hoặc sự suy luận mang tính chắc chắn	▪ She must cook in the everyday. ▪ You must be here before 9 p.m	Mustn’t – chỉ sự một cấm đoán

và yêu cầu được nhấn
mạnh

Have to	Diễn tả sự cần thiết phải làm điều gì nhưng là do yếu tố khách quan (nội quy, quy định...)	▪ She has to stop smoking. Her doctor said that.	Don't have to = Don't need to (chỉ sự không cần thiết)
---------	--	--	--

May	Dùng để diễn tả điều gì có thể xảy ra ở thì hiện tại	▪ May I call him?	– May và might dùng để xin phép. Nhưng might ít được dùng trong văn nói, chủ yếu sử dụng trong câu gián tiếp:
-----	--	-------------------	---

Might (thể quá khứ của “May”)	Dùng để diễn tả điều gì có thể xảy ra ở trong quá khứ	▪ He might not be her car.	Ví dụ : – May I turn off TV? – Might được dùng không phải là thể quá khứ của May
-------------------------------	---	----------------------------	--

			Where is Mary? I don't know. She may/might go out with her friends.
Will	Dùng để diễn đạt và dự đoán sự việc xảy sẽ ra trong tương lai. Dùng để đưa ra một quyết định tại thời điểm nói.	▪ Sunday will be sunny. ▪ Did you buy a apple? Oh,sorry. I'll go now.	Dùng Will hay Would trong câu đề nghị, yêu cầu và lời mời Ví dụ : – Will you have a cake?
Would	Dùng để diễn tả một giả định xảy ra hoặc dự đoán sự việc có thể xảy ra trong quá khứ	▪ He was a child. He would be upset when hear this bad news.	– Would you like a cup of coffee?
Shall	Được dùng để xin ý kiến và lời khuyên. “Will” được sử dụng nhiều hơn	▪ Where shall we eat morning tomorrow?	

Should	Dùng để chỉ sự bắt buộc hay nhiệm vụ bắt buộc nhưng ở mức độ nhẹ hơn “Must”	▪ You should send this report by 7th October.
--------	---	---

	Đề đưa ra lời khuyên và ý kiến	▪ You should call him.
--	--------------------------------	------------------------

	Dùng để đưa ra suy đoán	▪ He worked hard, he should get the best result.
--	-------------------------	--

Ought to	Dùng để chỉ sự bắt buộc. Mạnh hơn “Should” nhưng chưa bằng “Must”	▪ She ought not to eat cake at night.
----------	---	---------------------------------------
